

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG LĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2024

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Đức Quang.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Soa và ông Phan Công Bình.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Đức Vinh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2024, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp *“Hôn nhân và gia đình”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Kiều Đình V, sinh ngày: 13/12/1974

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thị xã H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị C, sinh ngày: 15/5/1977

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thị xã H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Kiều Đình V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phạm Thị C xây dựng gia đình với nhau dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện và được đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/1996 tại UBND xã T (nay là phường T), thị xã H, tỉnh T. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của tôi tại tổ dân phố H, phường T, thị xã H, tỉnh T và có thời gian chung sống hạnh phúc được 10 năm thì đến năm 2006 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị C sống thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Phạm Thị C để đảm bảo cuộc sống của hai bên.

- Về quan hệ con chung: Tôi và chị Phạm Thị C có hai con chung là Kiều Đình C1, sinh năm 1997, Kiều Thị Q, sinh năm 2005. Hiện nay cháu Kiều Đình C1 đã chết, cháu Kiều Thị Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn chị Phạm Thị C, sau khi Toà án thụ lý vụ án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần, xác định được chị C có mặt ở nhà tại tổ dân phố H, phường T, thị xã H, tỉnh T nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án nên Toà án đã lập biên bản sự việc lưu vào hồ sơ vụ án. Tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C, Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị C vẫn không đến Toà án để làm việc. Vì vậy, Toà án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tố tụng và đề xuất đường lối giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Kiều Đình V đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chị Phạm Thị C vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập cũng như tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kiều Đình V, cho anh V được ly hôn chị Phạm Thị C.

Về con chung: Anh Kiều Đình V và chị Phạm Thị C có hai con chung là Kiều Đình C1, sinh năm 1997, Kiều Thị Q, sinh năm 2005. Hiện nay cháu Kiều Đình C1 đã chết, cháu Kiều Thị Q đã trưởng thành, anh V không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Kiều Đình V không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh Kiều Đình V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” giữa nguyên đơn anh Kiều Đình V và bị đơn chị Phạm Thị C đều ở địa chỉ phường T, thị xã H, tỉnh T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho chị Phạm Thị C và xác định được chị C có mặt ở nhà tại tổ dân phố H, phường T, thị xã H, tỉnh T nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng trên nên Toà án đã lập biên bản sự việc lưu vào hồ sơ làm căn cứ giải quyết vụ án. Mặc dù chị C không nhận các văn bản tố tụng của Toà án nhưng để bảo đảm cho chị C thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng trên tại nhà văn hóa tổ dân phố H và tại UBND phường T nhưng tất cả các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải chỉ có anh V có mặt và chị C vắng mặt không có lý do nên Toà án đã lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và lập biên bản không hoà giải được theo đúng quy định của pháp luật lưu vào hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết. Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2024 cho chị C nhưng tại phiên toà ngày 24 tháng 7 năm 2024 chị C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà và tổng đạt hợp lệ cho chị C theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà lần thứ hai hôm nay chị C vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị C là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Đình V và chị Phạm Thị C kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện và được đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/1996 tại UBND xã T (nay là phường T), thị xã H, tỉnh T. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị C sống thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Kiều Đình V được ly hôn chị Phạm Thị C.

- Về quan hệ con chung: Anh Kiều Đình V và chị Phạm Thị C có hai con chung là Kiều Đình C1, sinh năm 1997, Kiều Thị Q, sinh năm 2005. Hiện nay cháu Kiều Đình C1 đã chết, cháu Kiều Thị Q đã trưởng thành, anh V không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Kiều Đình V không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Kiều Đình V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Kiều Đình V được ly hôn chị Phạm Thị C.

2. *Về quan hệ con chung:* Anh Kiều Đình V và chị Phạm Thị C có hai con chung là Kiều Đình C1, sinh năm 1997, Kiều Thị Q, sinh năm 2005. Hiện nay cháu Kiều Đình C1 đã chết, cháu Kiều Thị Q đã trưởng thành, anh V không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Kiều Đình V không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử buộc anh Kiều Đình V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004421, ngày 10/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh Kiều Đình V đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Kiều Đình V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Phạm Thị C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Hồng Lĩnh;
- Chi cục THADS TX Hồng Lĩnh;
- UBND phường Trung Lương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đức Quang